

# MÔ HÌNH XÂY DỰNG KHÔNG GIAN VÀ TỔ CHỨC CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI VĂN HÓA DÂN TỘC MƯỜNG TRONG TRƯỜNG MẦM NON ĐỒNG TIỀN, PHƯỜNG HOÀ BÌNH

Nguyễn Thị Bình

Trường Mầm non Đồng Tiên, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh đổi mới giáo dục mầm non gắn với phát triển toàn diện và giáo dục địa phương, việc tổ chức cho trẻ làm quen với di sản văn hóa dân tộc có vai trò quan trọng trong hình thành bản sắc, ngôn ngữ và năng lực cảm xúc – xã hội. Bài viết phân tích mô hình xây dựng không gian và tổ chức hoạt động giúp trẻ tiếp cận văn hóa Mường tại Trường Mầm non Đồng Tiên (phường Hòa Bình), dựa trên báo cáo thực tiễn và bổ sung cơ sở lý luận về di sản văn hóa phi vật thể, giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, học qua chơi và tiếp cận “funds of knowledge”. Mô hình được triển khai theo hướng tích hợp: tạo môi trường văn hóa đặc trưng, tổ chức trải nghiệm gắn đời sống địa phương, huy động gia đình – cộng đồng đồng tham gia và tăng cường xã hội hóa học liệu. Kết quả cho thấy tác động tích cực đến nhận thức của trẻ, năng lực giáo viên và sự phối hợp phụ huynh.

**Từ khóa:** giáo dục mầm non; văn hóa dân tộc Mường; môi trường giáo dục; học qua chơi; di sản văn hóa; giáo dục địa phương.

## A MODEL FOR DESIGNING CULTURAL SPACES AND ORGANIZING CHILDREN'S FAMILIARIZATION WITH MUONG ETHNIC CULTURE AT DONG TIEN KINDERGARTEN, HOA BINH WARD

**Abstract:** In the context of early childhood education reform oriented toward holistic child development and local cultural education, organizing activities that introduce children to ethnic cultural heritage plays an important role in shaping identity, language, and socio-emotional competence. This article analyzes a model for designing educational spaces and organizing activities to help children access Mường culture at Đồng Tiên Kindergarten (Hòa Bình Ward), based on the school's implementation report and supplemented by theoretical foundations on intangible cultural heritage in education, child-centered early childhood education, play-based learning, and the “funds of knowledge” approach. The model was implemented in an integrated manner through: creating a culturally distinctive learning environment, organizing experiential activities linked to local life, mobilizing families and communities as co-participants, and strengthening the socialization of learning materials. The findings indicate positive effects on children's cultural awareness, teachers' pedagogical capacity, and parent-school collaboration.

**Keywords:** early childhood education; Mường ethnic culture; educational environment; play-based learning; cultural heritage; local education.

Nhận bài: 06/01/2026

Phản biện: 28/01/2026

Duyệt đăng: 30/01/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn hóa Mường (ở tỉnh Hòa Bình cũ) là một thành tố bản sắc đặc biệt, hiện diện trong tiếng nói, trang phục, công chiêng, ẩm thực, trò chơi dân gian, lễ hội và không gian sinh hoạt cộng đồng. Thông tin từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho thấy Hòa Bình hiện có số lượng lớn di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê và nhiều di sản dân tộc Mường được ghi nhận ở cấp quốc gia, trong đó có Không gian văn hóa công chiêng Mường. Điều này cho thấy giáo dục văn hóa Mường cho trẻ em, nhất là trẻ mầm non tại địa bàn, không chỉ phù hợp mà còn là nhu cầu cấp thiết trong bảo tồn và phát huy di sản theo hướng truyền trao liên thế hệ.

Ở cấp chính sách giáo dục, Chương trình Giáo dục mầm non đã được điều chỉnh, cập nhật qua Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT, tạo cơ sở

để các cơ sở giáo dục mầm non tiếp tục linh hoạt tổ chức hoạt động phù hợp với điều kiện địa phương và đặc điểm trẻ em. Việc vận dụng văn hóa bản địa vào môi trường giáo dục, nếu được thiết kế đúng hướng, là một hình thức hiện thực hóa tinh thần chương trình, đồng thời tăng tính thực tiễn và tính bản sắc của nhà trường.

Trường Mầm non Đồng Tiên đã xây dựng và triển khai biện pháp “Mô hình xây dựng không gian và tổ chức cho trẻ làm quen với văn hóa dân tộc Mường” như một hướng đổi mới môi trường giáo dục và tổ chức hoạt động trải nghiệm. Nghiên cứu này nhằm hệ thống hóa và tái cấu trúc mô hình của Trường Mầm non Đồng Tiên với cấu trúc rõ ràng; (2) bổ sung cơ sở lý luận và thảo luận học thuật nhằm làm sáng tỏ cơ chế tác động của mô hình, từ đó đề xuất khả

năng nhân rộng trong các cơ sở giáo dục mầm non có bối cảnh văn hóa tương đồng.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Cơ sở lý luận

*2.1.1. Di sản văn hóa phi vật thể và giáo dục: từ “bảo tồn” sang “học tập trong bối cảnh văn hóa”*

Công ước 2003 của UNESCO định nghĩa di sản văn hóa phi vật thể là các thực hành, biểu đạt, tri thức, kỹ năng (cùng công cụ, đồ vật, không gian văn hóa liên quan) được cộng đồng, nhóm người và trong một số trường hợp là cá nhân thừa nhận là một phần di sản của mình; di sản này được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và luôn được tái tạo trong quan hệ với môi trường, lịch sử và tự nhiên. Công ước cũng nhấn mạnh vai trò của giáo dục, nâng cao nhận thức và truyền thông trong bảo vệ di sản; đồng thời đề cao sự tham gia rộng rãi của cộng đồng trong quá trình bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Các tài liệu và chương trình của UNESCO về “living heritage and education” tiếp tục mở rộng cách hiểu này theo hướng giáo dục: di sản sống không chỉ là “nội dung để dạy”, mà còn là nền tảng để tổ chức việc học trở nên gần gũi, có ý nghĩa và mang tính chuyên hóa, bởi nó gắn trực tiếp với bối cảnh văn hóa của người học và cộng đồng. Nói cách khác, giáo dục di sản hiệu quả không dừng ở việc giới thiệu biểu tượng văn hóa, mà phải tạo điều kiện để trẻ em được học với di sản (learning with heritage), trong di sản (learning in cultural context) và thông qua các thực hành văn hóa sống động.

Điểm này rất quan trọng khi vận dụng vào giáo dục mầm non. Nếu chỉ dừng ở trưng bày hình ảnh, trang phục hay mô hình vật thể, hoạt động dễ bị “bê nổi” và khó tạo ra trải nghiệm học tập sâu cho trẻ. Ngược lại, nếu nhà trường xây dựng môi trường, hoạt động, tương tác và ngôn ngữ theo logic của đời sống văn hóa địa phương (ví dụ: trò chơi, nhịp điệu, lời chào, bài hát, hoạt động lao động mô phỏng, kể chuyện, lễ hội), trẻ sẽ được phát triển nhận thức văn hóa thông qua trải nghiệm cảm giác – vận động, giao tiếp và nhập vai. Đây là hướng tiếp cận phù hợp với đặc trưng học tập của lứa tuổi mầm non.

*2.1.2. Giáo dục mầm non lấy trẻ làm trung tâm, học qua chơi và tính phù hợp văn hóa*

Khung “Developmentally Appropriate Practice” (DAP) của NAEYC nhấn mạnh rằng thực hành giáo dục mầm non cần dựa trên ba xem xét cốt lõi: tính phổ quát trong phát triển, tính cá thể của từng trẻ, và bối cảnh (context) nơi trẻ phát triển và học tập. DAP cũng xác định học tập hiệu quả ở lứa tuổi nhỏ là học tập mang tính vui thích, tích cực, dựa trên chơi, khám phá và tìm tòi; đồng thời nhấn mạnh việc giáo dục phải đáp ứng đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ và năng lực của từng trẻ. Điều này có ý nghĩa trực tiếp đối với việc thiết kế mô hình làm quen văn hóa dân tộc trong trường mầm non. Văn hóa Mường không nên được đưa vào lớp học như một “chuyên đề riêng” cứng nhắc hoặc nặng về truyền thụ thông tin, mà cần được tích hợp vào các hoạt động thường ngày của trẻ: góc chơi, góc nghệ thuật, hoạt động âm nhạc, hoạt động ngoài trời, trò chơi vận động, giao tiếp, hoạt động ngày hội – ngày lễ. Cách làm này vừa bảo đảm tính phát triển phù hợp lứa tuổi, vừa giúp văn hóa hiện diện như một phần tự nhiên của đời sống học đường.

*2.1.3. Lý thuyết văn hóa – xã hội của Vygotsky và vai trò của chơi trong hình thành biểu tượng văn hóa*

Trong góc nhìn văn hóa – xã hội, Vygotsky cho rằng sự phát triển nhận thức của trẻ không thể tách rời khỏi ngôn ngữ, tương tác xã hội và bối cảnh văn hóa; các chức năng tâm lý cao được hình thành thông qua quá trình tương tác rồi dần được nội tâm hóa. Phân tích gần đây trong nghiên cứu của Chen (2025) về trẻ mầm non tại Đài Loan cũng sử dụng khung Vygotsky để chỉ ra rằng chơi là nơi trẻ biểu đạt và tích hợp bản sắc văn hóa – dân tộc của mình, đồng thời học cách hiểu và tôn trọng khác biệt văn hóa trong môi trường lớp học đa dạng. Điểm mạnh của cách tiếp cận này là nó giải thích được vì sao các hoạt động chơi gắn với lễ hội, ẩm thực, âm nhạc, ngôn ngữ và vai trò xã hội (đóng vai, nấu ăn, chuẩn bị lễ hội, trình diễn, giao tiếp theo ngữ cảnh) lại có tác động giáo dục mạnh đối với trẻ. Khi trẻ “chơi” các thực hành văn hóa, trẻ không chỉ lặp lại hành vi, mà đang dùng ngôn ngữ, biểu tượng, quy tắc và vai trò xã hội để kiến tạo hiểu biết về cộng đồng của mình. Nói cách khác, chơi không chỉ là phương tiện giải trí

mà là “không gian xã hội thu nhỏ” nơi trẻ thực hành văn hóa.

Với trẻ mầm non ở Hòa Bình, điều này gợi ý rằng việc làm quen văn hóa Mường nên được tổ chức theo logic “trẻ nhập vai và tương tác” hơn là logic “cô giảng – trẻ nghe”. Những hoạt động như chơi trò dân gian, nghe – hát dân ca, làm đồ dùng từ vật liệu địa phương, tham gia ngày hội, quan sát nghệ nhân trình diễn, đi tham quan bảo tàng hay địa danh văn hóa... sẽ tạo điều kiện để trẻ học văn hóa bằng nhiều giác quan, qua đó giúp nội dung văn hóa trở thành kinh nghiệm sống chứ không chỉ là thông tin.

#### 2.1.4. Tiếp cận “*funds of knowledge*”: từ văn hóa trưng bày sang văn hóa sống trong gia đình – cộng đồng

Moll và cộng sự (1992) đề xuất khái niệm “*funds of knowledge*” để chỉ những tri thức và kỹ năng được tích lũy qua lịch sử và văn hóa trong các hộ gia đình, có vai trò thiết yếu đối với đời sống và hạnh phúc của các thành viên. Các tác giả cũng nhấn mạnh rằng giáo dục cần khai thác các nguồn tri thức này như nguồn lực cho dạy học, đồng thời cảnh báo việc đồng nhất “văn hóa” với những biểu hiện mang tính trình diễn/folklore đơn thuần (ví dụ kể chuyện, múa hát, trưng bày) nếu không gắn với tri thức sống, hoạt động thực và quan hệ cộng đồng. Đây là một gợi mở rất phù hợp cho mô hình tại Trường Mầm non Đồng Tiến. Nếu nhà trường chỉ dựng một “góc Mường” để trưng bày, hiệu quả giáo dục sẽ hạn chế. Nhưng nếu nhà trường huy động phụ huynh, giáo viên người Mường, nghệ nhân và cộng đồng cùng mang vào lớp học những tri thức sống (cách dùng đồ vật, cách chơi trò chơi, cách hát, cách kể chuyện, cách giao tiếp, cách làm thủ công, cách tổ chức sinh hoạt văn hóa), thì môi trường giáo dục sẽ chuyển từ “trang trí văn hóa” sang “thực hành văn hóa”.

#### 2.1.5. Một số nguyên tắc lý luận cho mô hình giáo dục văn hóa Mường trong Trường Mầm non

Từ các tiếp cận trên, có thể rút ra 5 nguyên tắc lý luận để phân tích và phát triển mô hình:

Nguyên tắc bối cảnh hóa văn hóa: Văn hóa cần được đưa vào môi trường giáo dục như một phần của đời sống học tập hằng ngày, không chỉ là hoạt động điểm nhấn.

Nguyên tắc học qua chơi và trải nghiệm: Trẻ mầm non học văn hóa hiệu quả thông qua chơi, nhập vai, vận động, kể chuyện, âm nhạc và trải nghiệm trực quan – cảm giác.

Nguyên tắc cộng đồng đồng kiến tạo: Gia đình, giáo viên, nghệ nhân và cộng đồng địa phương cần tham gia vào quá trình thiết kế không gian và hoạt động để bảo đảm tính xác thực văn hóa và tính bền vững.

Nguyên tắc phù hợp phát triển và đa dạng: Nội dung, hình thức, ngôn ngữ, học liệu và mức độ yêu cầu phải phù hợp độ tuổi, năng lực và điều kiện đa dạng của trẻ.

Nguyên tắc tránh hình thức hóa: Không dừng ở trưng bày, mô phỏng bề mặt, mà cần tạo ra hoạt động có ý nghĩa, tương tác thật và liên hệ với đời sống văn hóa địa phương

## 2.2. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

Trường Mầm non Đồng Tiến là cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn phường Hòa Bình (thuộc thành phố Hòa Bình cũ); nhà trường có 17 nhóm/lớp với 343 trẻ, 55 cán bộ, giáo viên, nhân viên; trong đó có 34 giáo viên trực tiếp giảng dạy. Nhà trường có 16 giáo viên là người dân tộc Mường, đây là nguồn lực đặc biệt quan trọng trong việc tổ chức giáo dục văn hóa địa phương theo hướng chân thực và gần gũi. Bối cảnh thực tiễn nhà trường gồm hai mặt: thuận lợi là sự quan tâm của cấp quản lý, phụ huynh và điều kiện cơ sở vật chất tương đối khang trang; khó khăn là áp lực đổi mới, yêu cầu vừa nâng cao chất lượng chăm sóc – giáo dục vừa tạo bản sắc riêng, cùng với hạn chế về kinh nghiệm của một bộ phận giáo viên trong tổ chức hoạt động chuyên sâu về văn hóa dân tộc. Đây là bối cảnh điển hình của nhiều trường mầm non hiện nay khi triển khai giáo dục địa phương theo hướng thực chất.

## 2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 2.3.1. Nhóm giải pháp thứ nhất: Xây dựng không gian giáo dục mang dấu ấn văn hóa Mường

#### 2.3.1.1. Không gian lớp học và góc văn hóa

Nhà trường triển khai xây dựng môi trường theo hướng “đồng bộ trong – ngoài lớp”, trong đó có các góc tuyên truyền, góc trải nghiệm, góc chơi, học liệu và đồ dùng mang yếu tố văn hóa Mường. Nội dung triển khai không dừng ở việc

trung bày mà được gắn với kế hoạch chuyên đề, kế hoạch tháng/tuần/ngày của giáo viên.

Về mặt sự phạm, đây là điểm mạnh vì môi trường lớp học được đặt trong quan hệ với chương trình hoạt động, giúp giáo viên chủ động lựa chọn nội dung văn hóa theo chủ đề và độ tuổi. Cách làm này tương thích với nguyên tắc “context” trong DAP, tức là quyết định sự phạm cần dựa trên bối cảnh phát triển của trẻ, cộng đồng và nội dung học tập cụ thể.

### 2.3.1.2. Không gian ngoài lớp và trải nghiệm bối cảnh hóa

Nhà trường phát triển các khu vực như vườn cổ tích, thư viện của bé, nhà dân tộc Mường, hình ảnh làng quê và khu vui chơi – trải nghiệm ngoài trời. Những không gian này tạo điều kiện để trẻ vận động, chơi, quan sát, nhập vai và tương tác với biểu tượng văn hóa trong môi trường mở. Cách tổ chức này có ý nghĩa lớn nếu nhìn từ tiếp cận “learning with heritage” của UNESCO: di sản (hoặc các biểu tượng văn hóa được tái hiện) trở thành một phần của bối cảnh học tập thường nhật, giúp trẻ học bằng trải nghiệm thay vì chỉ nghe giải thích. Đồng thời, các không gian mở tạo điều kiện cho phương pháp học đa giác quan – điều mà các nghiên cứu về giáo dục di sản mầm non gần đây đánh giá cao, đặc biệt khi kết hợp kể chuyện, thao tác vật liệu, trò chơi và đối thoại.

Từ góc nhìn văn hóa – xã hội, môi trường ngoài lớp còn là nơi trẻ dễ dàng tổ chức chơi vai, chơi nhóm và đàm thoại tự nhiên. Đây là bối cảnh thuận lợi để trẻ đưa trải nghiệm gia đình, ngôn ngữ đời sống và biểu tượng cộng đồng vào hoạt động chơi. Nói cách khác, không gian vật chất ở đây đã tạo “điểm tựa” cho sự hình thành biểu tượng văn hóa trong tương tác xã hội của trẻ.

### 2.3.2. Nhóm giải pháp thứ hai: Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với văn hóa Mường

#### 2.3.2.1. Tích hợp văn hóa Mường vào hoạt động hằng ngày và theo chủ đề

Một điểm nổi bật là nhà trường không triển khai mô hình theo cách rời rạc mà gắn với kế hoạch chuyên đề và kế hoạch giáo dục thường xuyên. Giáo viên được bồi dưỡng, phân công xây dựng nội dung tích hợp văn hóa Mường vào các hoạt động giáo dục trong ngày, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời và các chủ đề học tập.

Về phương diện lý luận, đây là biểu hiện rõ của nguyên tắc “tính liên tục văn hóa” trong giáo dục mầm non: trẻ cần được tiếp xúc lặp lại, ở nhiều ngữ cảnh khác nhau, để biểu tượng văn hóa trở thành kinh nghiệm có ý nghĩa. Nếu chỉ tổ chức một vài buổi ngoại khóa, tác động thường ngắn hạn; nhưng khi nội dung được tích hợp thường xuyên, trẻ có cơ hội quan sát – bắt chước – thực hành – gọi tên – sử dụng ngôn ngữ nhiều lần, qua đó hình thành hiểu biết bền vững hơn.

Mô hình này cũng phù hợp với DAP ở chỗ cho phép giáo viên linh hoạt điều chỉnh mức độ và hình thức tổ chức theo độ tuổi, thay vì áp dụng một mẫu hoạt động cứng cho mọi nhóm lớp. Trong nghiên cứu tiếp theo, đây có thể là trục so sánh quan trọng (ví dụ: nhóm 3–4 tuổi ưu tiên trải nghiệm cảm giác – vận động; nhóm 5–6 tuổi tăng đối thoại, kể chuyện, nhập vai, sản phẩm tạo hình...).

#### 2.3.2.2. Tổ chức sự kiện, ngày hội và hoạt động trải nghiệm thực địa

Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động sự kiện gắn với năm học (ngày hội, ngày lễ, lễ hội quê em...) và lồng ghép yếu tố văn hóa Mường vào các hoạt động này. Đồng thời, trẻ được tham gia tham quan – trải nghiệm tại một số điểm như bảo tàng, khu vực văn hóa – du lịch địa phương, qua đó mở rộng trải nghiệm ngoài phạm vi lớp học.

Điểm mạnh của nội dung này là tạo được “nhịp văn hóa” theo mùa, theo sự kiện – điều vốn là đặc trưng của truyền thống văn hóa cộng đồng. Với trẻ mầm non, nhịp điệu này rất quan trọng vì giúp trẻ liên kết ký ức học tập với sự kiện cụ thể, âm thanh, màu sắc, trang phục, món ăn, trò chơi và cảm xúc tập thể. Nghiên cứu về giáo dục văn hóa trong mầm non cũng cho thấy hoạt động dự án, kể chuyện, hoạt động thủ công và tham quan thực địa có thể giúp trẻ tiếp cận lịch sử – văn hóa theo cách phát triển phù hợp, thay vì tải nặng thông tin.

#### 2.3.2.3. Huy động phụ huynh, nghệ nhân và giáo viên người Mường: từ phối hợp đến đồng kiến tạo

Nhà trường thực hiện tuyên truyền, tọa đàm, họp phụ huynh, vận động sưu tầm nguyên vật liệu, mời phụ huynh và người am hiểu văn hóa

địa phương tham gia cùng giáo viên trong xây dựng môi trường và tổ chức hoạt động cho trẻ. Đồng thời, sự hiện diện của đội ngũ giáo viên người Mường là một lợi thế nổi bật trong triển khai mô hình.

Đây là điểm rất đáng giá nếu soi chiếu bằng tiếp cận “funds of knowledge”. Mô hình của nhà trường đã bước đầu vượt ra khỏi cách làm “trang trí văn hóa” để chuyển sang huy động tri thức và nguồn lực sống từ gia đình – cộng đồng. Việc phụ huynh tham gia không chỉ giúp bổ sung vật liệu, mà còn tăng tính xác thực của nội dung văn hóa, tạo tính liên tục giữa đời sống gia đình và môi trường học đường.

Từ góc độ bảo tồn di sản, đây cũng là cách hiện thực hóa nguyên tắc cộng đồng tham gia trong bảo vệ và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể. Với trẻ mầm non, sự tham gia của người lớn trong cộng đồng (phụ huynh, nghệ nhân, người thân) còn có tác dụng tạo niềm tin, cảm xúc tích cực và tăng hứng thú học tập vì trẻ được học từ những “người thật – việc thật” gần gũi.

#### 2.4. Kết quả bước đầu của mô hình

Kết quả triển khai cho thấy mô hình bước đầu tạo chuyên biến tích cực ở ba nhóm chủ thể. Thứ nhất, ở trẻ, việc tham gia các hoạt động lễ hội, trò chơi, âm nhạc và giao tiếp gắn với văn hóa Mường giúp trẻ nhận biết một số yếu tố văn hóa địa phương, đồng thời hỗ trợ phát triển ngôn ngữ và thái độ tích cực với bản sắc dân tộc. Cơ chế này phù hợp với tiếp cận học qua chơi và quan điểm kiến tạo xã hội, khi trẻ học trong môi trường tương tác giàu ngữ cảnh văn hóa. Tuy nhiên, tác động hiện mới được ghi nhận ở mức mô tả do chưa có minh chứng định lượng chuẩn hóa. Thứ hai, ở giáo viên, 100% giáo viên được ghi nhận biết tích hợp nội dung văn hóa Mường vào hoạt động hằng ngày và phối hợp xây dựng môi trường giáo dục, cho thấy sự cải thiện về năng lực thiết kế – tổ chức hoạt động. Thứ ba, ở phụ huynh và cộng đồng, mức độ phối hợp đạt 100%; nhà trường huy động trên 580 triệu đồng và bổ sung hơn 500 học liệu, phản ánh hiệu quả của tiếp cận đồng kiến tạo và tăng cường nguồn lực giáo dục bền vững.

Từ phân tích trên, mô hình của Trường Mầm non Đồng Tiến có thể được xem là một mô hình thực hành tốt (promising practice) trong giáo

dục mầm non gắn với văn hóa địa phương, thể hiện ở 4 giá trị nổi bật:

*Thứ nhất*, mô hình chuyển cách tiếp cận từ “dạy về văn hóa” sang “tổ chức môi trường và trải nghiệm văn hóa”. Đây là chuyển dịch đúng về mặt sư phạm, phù hợp đặc trưng học tập của trẻ mầm non.

*Thứ hai*, mô hình tạo được liên kết giữa chương trình nhà trường và cộng đồng văn hóa địa phương, đặc biệt thông qua giáo viên người Mường và phụ huynh. Điều này làm tăng tính chân thực, tính bản địa và khả năng duy trì của hoạt động.

*Thứ ba*, mô hình cho thấy khả năng tích hợp đa lĩnh vực phát triển của trẻ (ngôn ngữ, tình cảm – xã hội, thẩm mỹ, vận động, nhận thức) thay vì chỉ tập trung vào “kiến thức văn hóa” theo nghĩa hẹp. Đây là điểm rất phù hợp với định hướng phát triển toàn diện trong giáo dục mầm non.

*Thứ tư*, mô hình tạo ra hiệu ứng lan tỏa về quản trị nhà trường và xã hội hóa giáo dục, góp phần tăng nguồn lực vật chất và học liệu, từ đó củng cố môi trường giáo dục lâu dài.

#### 2.5. Khuyến nghị

*Đối với nhà trường mầm non*: cần xây dựng kế hoạch giáo dục văn hóa địa phương theo năm học, tích hợp vào hoạt động thường ngày thay vì chỉ tổ chức theo sự kiện; đồng thời chuẩn hóa bộ tiêu chí môi trường và công cụ quan sát trẻ.

*Đối với phòng/ban chuyên môn*: nên ban hành hướng dẫn khung về giáo dục văn hóa địa phương trong mầm non theo hướng mở, có minh chứng thực hành tốt và tiêu chí đánh giá.

*Đối với đào tạo, bồi dưỡng giáo viên*: cần tăng nội dung về thiết kế môi trường văn hóa, tổ chức học qua chơi gắn với di sản sống, và kỹ năng phối hợp gia đình – cộng đồng.

*Đối với nghiên cứu tiếp theo*: nên triển khai nghiên cứu hỗn hợp (mixed-methods) với dữ liệu trước-sau, hồ sơ học tập của trẻ và phỏng vấn phụ huynh/giáo viên để đo rõ hơn tác động của mô hình.

Nhìn rộng hơn, mô hình tại Trường Mầm non Đồng Tiến là một minh chứng cho khả năng kết nối giữa giáo dục mầm non và văn hóa bản địa theo hướng vừa bảo tồn, vừa phát triển. Đây cũng là một hướng đi có ý nghĩa trong xây dựng

trường mầm non mang bản sắc, nhân văn và bền vững tại các địa phương có di sản văn hóa phong phú.

### III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã bổ sung cơ sở lý luận về giáo dục di sản văn hóa phi vật thể, giáo dục mầm non lấy trẻ làm trung tâm, học qua chơi, lý thuyết văn hóa – xã hội và tiếp cận “funds of knowledge”. Kết quả phân tích cho thấy mô hình của nhà trường có tính khả thi và giá trị thực tiễn rõ rệt ở ba phương diện: (1) xây dựng môi trường giáo

dục mang bản sắc văn hóa Mường; (2) tổ chức hoạt động học qua chơi và trải nghiệm gắn với cộng đồng; (3) tăng cường sự tham gia của giáo viên, phụ huynh và nguồn lực xã hội hóa. Điểm cốt lõi của mô hình nằm ở chỗ nhà trường không tách “không gian” khỏi “hoạt động”, không tách “văn hóa” khỏi “trải nghiệm”, và không tách “nhà trường” khỏi “cộng đồng”. Đây là hướng tiếp cận phù hợp với tinh thần UNESCO về giáo dục di sản sống và phù hợp với thực hành giáo dục mầm non hiện đại.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ GD&ĐT (2020), Chương trình Giáo dục mầm non đã được điều chỉnh, cập nhật qua Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2024). Thông tin về công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa tại tỉnh Hòa Bình và di sản văn hóa dân tộc Mường.

Chen, B.-C. (2025). *Using Vygotsky's sociocultural theory to explore ethnic cultural representation in Taiwanese preschool children's play*. *Frontiers in Education*, 10. <https://doi.org/10.3389/educ.2025.1569322>

Jermstad, L. K. (2025). *Building History: Project-Based Pedagogy for Cultural Heritage in Early Childhood Education*. *Journal of Early Childhood Education Research*, 14(2), 1–23. <https://doi.org/10.58955/jecer.156299>

Moll, L. C., Amanti, C., Neff, D., & Gonzalez, N. (1992). *Funds of Knowledge for Teaching: Using a Qualitative Approach to Connect Homes and Classrooms*. *Theory Into Practice*, 31(2), 132–141.

National Association for the Education of Young Children (NAEYC). *Developmentally Appropriate Practice (DAP) Position Statement*.

UNESCO. (2003). *Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage*.

UNESCO. *Clearinghouse on Living Heritage and Education* / tài liệu về tích hợp di sản sống trong giáo dục.